



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

04

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

05

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

06


BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp
Tên tiếng anh	DONGTHAP PETROLEUM TRANSPORTATIONS JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận ĐKKD	Số 1400475345 (số cũ 5103000024) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp lần đầu ngày 27/10/2014, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 07/05/2015.
Vốn điều lệ	43.705.100.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	43.705.100.000 đồng
Địa chỉ	215-217 Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp 0277 - 3877011 - 3877012 - 3877016
Số điện thoại	0277 - 3877029
Số fax	1400475345
Mã số thuế	www.dopetco.com.vn
Website	info@dopetco.com
Email	DOP
Mã cổ phiếu	
Logo công ty	

THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC NHÂN TỐ RỦI RO



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2004

Ngày 10/08/2004, UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 160/QĐ – UB – TL về việc cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải Xăng dầu thuộc Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp.

2004

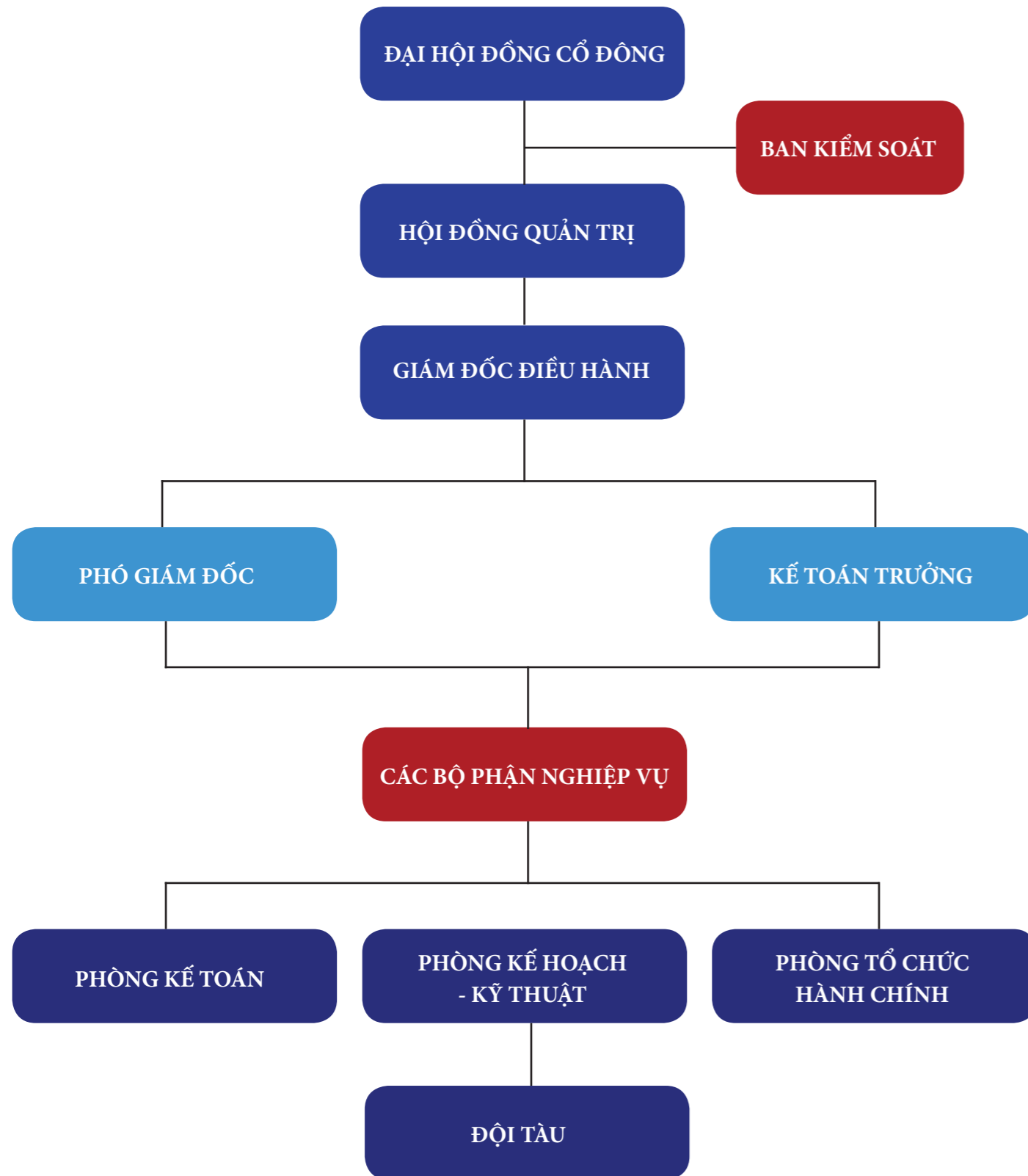
Tháng 11/2004, Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Trong đó, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối với việc Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (sở hữu 51% cổ phần)

2011

Ngày 18/08/2011, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2011/GCNCP – VSD cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp.

2015

Ngày 08/10/2015, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 657/QĐ – SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Đồng Tháp. Ngày 30/10/2015, cổ phiếu DOP được giao dịch chính thức trên sàn Upcom.



Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ nội địa.
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Mua bán và vận tải nhiên liệu lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: xăng, dầu, nhớt.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Cho thuê kho, bồn chứa xăng dầu, dịch vụ kho ngoại quan.
- Kinh doanh dịch vụ Logistic.

Địa bàn kinh doanh

Vận chuyển xăng, dầu, nhớt, khí hóa lỏng, các sản phẩm dầu mỏ và các hàng hóa khô từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, thành phố Hồ Chí Minh, đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ và Campuchia.





Các mục tiêu ngắn hạn

Trong ngắn hạn, Công ty đề ra các mục tiêu phát triển như sau:

- Xây dựng kế hoạch vận chuyển hàng hóa hợp lý, mở rộng thêm tuyến đường vận chuyển tới khách hàng.
- Xúc tiến nguồn hàng vận chuyển mới, cả vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất

Các mục tiêu trung và dài hạn

- Xây dựng hình ảnh và thương hiệu của DOP trên thương trường ngành vận tải xăng dầu.
- Tạo môi trường làm việc minh bạch, năng động và thân thiện. Nâng cao công tác đào tạo đội ngũ nhân viên lành nghề và chuyên nghiệp từng bước xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng.
- Xây dựng, củng cố và mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân là đối tác chiến lược tại thị trường nội địa, thị trường Campuchia.
- Tích cực tìm kiếm, mở rộng nguồn khách hàng. Nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, chất lượng dịch vụ và tối đa hóa lợi ích cổ đông nhằm đảm bảo việc tăng trưởng doanh thu bền vững trong tương lai



Các mục tiêu phát triển bền vững

- Xác định công tác bảo vệ môi trường vừa là trách nhiệm vừa là nghĩa vụ trong sự nghiệp phát triển bền vững của xã hội và của DOP.
- Tiếp tục tham gia vào các hoạt động của địa phương để hỗ trợ an sinh xã hội cũng như các chương trình tình nguyện và hoạt động từ thiện cho cộng đồng.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... sẽ tác động trực tiếp đến bất cứ doanh nghiệp nào hoạt động sản xuất và kinh doanh trong một nền kinh tế chung. Tình hình kinh tế - xã hội nước ta năm 2018 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2018 tăng lên 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Bên cạnh đó, tình hình lạm phát và lãi suất vẫn được kiểm soát ổn định, tỷ giá USD/VND biến động trong biên độ đã đảm bảo doanh thu cũng như kế hoạch trả nợ lãi vay ngân hàng của Công ty, đặc biệt khi năm 2019 sắp tới, DOPETCO có thể sẽ vay nợ để đầu tư thêm phương tiện, các loại máy móc, thiết bị hiện đại để phục vụ cho quá trình hoạt động và tăng trưởng của Công ty

Rủi ro pháp luật

Các thay đổi từ chính sách, cải cách các văn bản Luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Hàng hải, các tiêu chuẩn ngành... sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, nhất là trong giai đoạn hội nhập hiện nay, khi Chính Phủ chủ trương xây dựng hệ thống luật hướng đến một nền kinh tế mở. Do đó, Công ty luôn cập nhật và nắm bắt sự thay đổi trong các văn bản luật liên quan và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của mình nhằm tránh các vi phạm ảnh hưởng tài chính và hình ảnh của Công ty

Rủi ro môi trường

Hoạt động vận tải, kinh doanh xăng dầu đường thủy luôn tiềm ẩn các nguy cơ tác động đến môi trường. Các rủi ro tràn dầu, cháy, nổ trong quá trình vận chuyển sẽ ảnh hưởng rất lớn đến môi trường nước. Đặc biệt trong thời gian gần đây, người dân đã nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đánh giá các doanh nghiệp dựa trên việc tuân thủ luật bảo vệ môi trường đi cùng với trách nhiệm xã hội. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn, kiểm soát quá trình hoạt động luôn được DOPETCO chú trọng vì đây chính là nguy cơ dẫn đến việc rò rỉ xăng dầu ảnh hưởng đến môi trường nước.

Rủi ro đặc thù của ngành

Rủi ro về giá nhiên liệu

Trong cơ cấu chi phí của hoạt động vận tải biển, chi phí nhiên liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí của DOP. Trong năm 2018, giá nhiên liệu biến động liên tục trong khi các hàng hóa mà doanh nghiệp vận tải vận chuyển chủ yếu là xăng, dầu và nhớt. Năm 2018, giá dầu thế giới có sự biến động mạnh, trong đó có những lúc xuống thấp kỷ lục như từ 76 USD/thùng trong các phiên đầu tháng 10/2018 xuống hơn 50 USD/thùng như phiên 14/12, thậm chí hạ xuống 45,88 USD/thùng ghi nhận trong phiên 20/12. Giá dầu bốc hơi gần 40% trong chưa đầy hai tháng là điều chưa từng xảy ra trong lịch sử. Giá nhiên liệu tăng biến động bất thường khiến cho chi phí và doanh thu của DOP cũng bị ảnh hưởng không nhỏ trong năm nay, nhưng điều này lại phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố kinh tế, chính trị trên toàn thế giới và hoàn toàn nằm ngoài sự kiểm soát của Công ty. Trong thời gian tới, DOP sẽ đưa ra các phương án để phòng ngừa rủi ro giá nhiên liệu sẽ thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro cháy, nổ

Xăng, dầu, nhớt là những chất lỏng dễ gây ra cháy, nổ nếu không được vận chuyển đúng cách cũng như giữ an toàn với những hàng hóa này. Theo Tổng Cục Thống Kê, năm 2018 đã có nhiều vụ cháy, nổ không nhỏ xảy ra, trong đó có một vụ xảy ra ở Bình Phước do vận chuyển xăng dầu đã gây ra thiệt hại lớn đến tài sản và cả tính mạng con người. Chính vì thế DOP luôn chú trọng trong các hoạt động vận chuyển cũng như lưu trữ an toàn, hướng dẫn cán bộ nhân viên của công ty các quy tắc khi xảy ra hỏa hoạn, đảm bảo luôn có các thiết bị, dụng cụ chữa cháy và đội cứu trợ kịp thời.

Rủi ro khác

Đối với ngành vận tải biển, các doanh nghiệp phải đối mặt với rủi ro đặc thù của ngành như: thiên tai, va chạm hay đắm tàu, các rủi ro khi thay đổi các chính sách của công ước quốc tế về an toàn môi trường, bảo vệ sinh mạng trên biển. Đặc biệt khi hàng hóa của DOP lại là xăng dầu, nếu xảy ra tràn dầu trên biển sẽ gây ra vấn đề nghiêm trọng đến môi trường.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
Doanh thu thuần	Triệu đồng	61.337	66.741	8,15%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.695	9.622	(17,72%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.567	7.723	(19,27%)

Năm 2018, hoạt động vận tải nói chung và vận tải xăng dầu nói riêng bước đầu có sự tăng trưởng song vẫn còn nhiều khó khăn. Giá xăng dầu trên thị trường nhiều biến động, xuất hiện thêm nhiều đầu mối nhập khẩu xăng dầu, các chủ hàng dần chuyển sang giao nhận hàng bằng đường bộ hay việc chỉnh sửa, bổ sung trong tiêu chuẩn kỹ thuật ngành ... cũng đã phần nào tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Vận tải xăng dầu Đồng Tháp. Với khó khăn trong năm qua, tình hình kinh doanh của Công ty vẫn đạt được kết quả khả quan. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty tăng 8,15% so với năm 2017, tăng từ 61,337 tỷ đồng lên 66,741 tỷ đồng năm 2018. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt 17,72% và 19,27% so với năm trước, đạt lần lượt 9,622 tỷ đồng và 7,723 tỷ đồng.

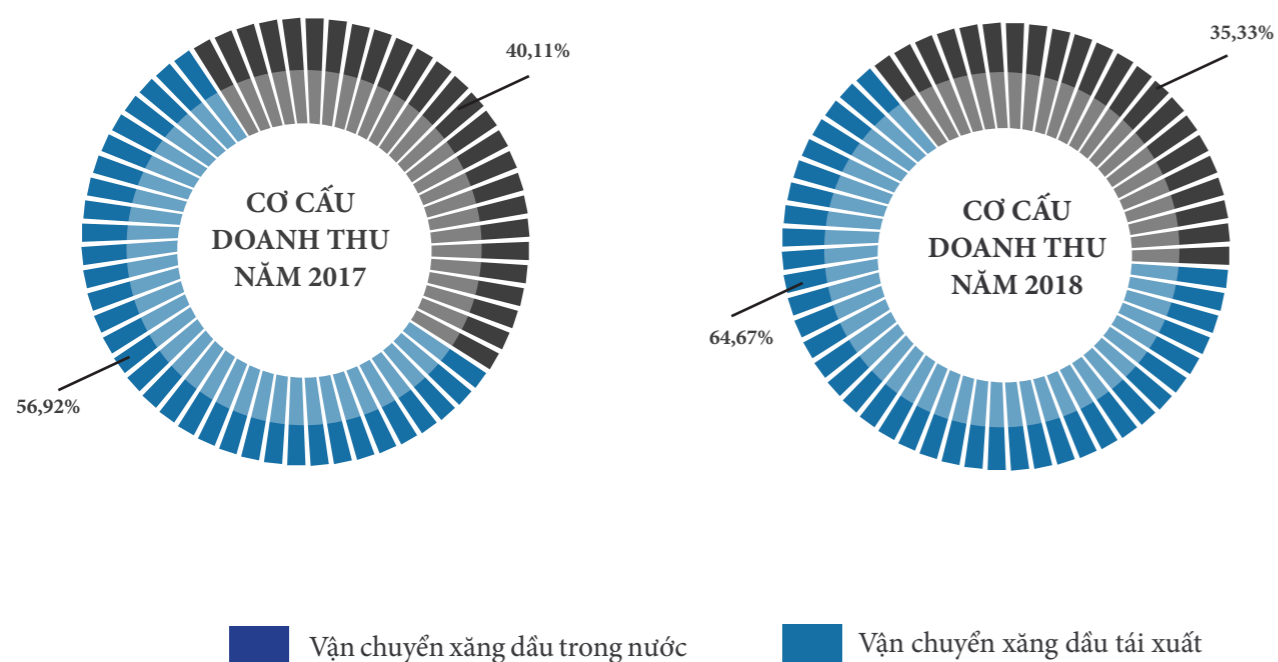
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU



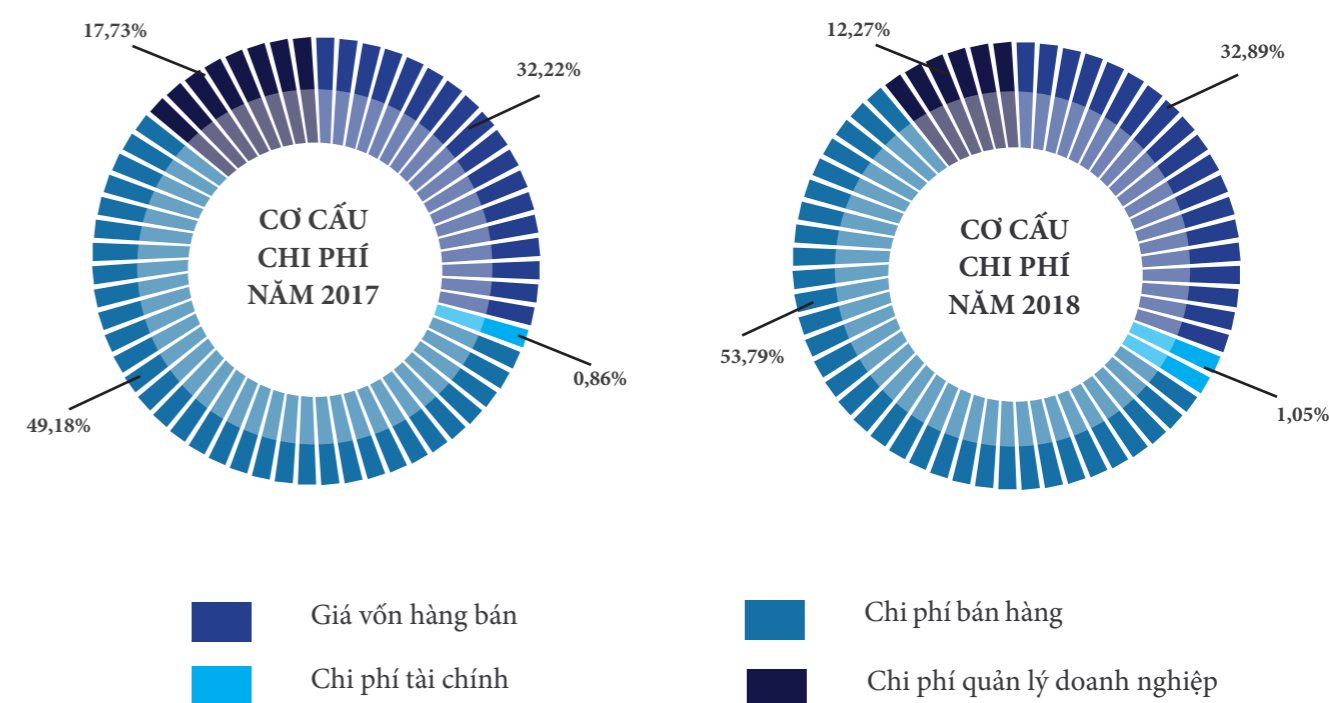
Cơ cấu doanh thu

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vận chuyển xăng dầu trong nước	Triệu đồng	24.600	40,11%	23.600	35,33%
Vận chuyển xăng dầu tái xuất	Triệu đồng	36.737	59,89%	43.200	64,67%
Tổng cộng	Triệu đồng	61.337	100%	66.800	100%



Cơ cấu chi phí

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	17.028	32,22%	20.000	32,89%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	457	0,86%	640	1,05%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	25.995	49,18%	32.708	53,79%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	9.372	17,73%	7.461	12,27%
Tổng cộng	Triệu đồng	52.852	100%	60.809	100%



Trong cơ cấu doanh thu của DOP, mảng vận chuyển xăng dầu tái xuất vẫn là mảng hoạt động chính của Công ty. Năm qua, vận chuyển tái xuất tăng từ 36,737 tỷ đồng lên 43,2 tỷ đồng, tăng 17,59% so với năm 2017 và chiếm 64,67% trong cơ cấu doanh thu thuần của DOP. Nguyên nhân là do được khách hàng tín nhiệm, ưu tiên sử dụng dịch vụ, mở rộng thêm được nhiều mặt hàng khác, công tác phối hợp giữa quản lý kỹ thuật và quản lý khai thác nhíp ngành và đồng bộ. Bên cạnh đó, mảng vận chuyển xăng dầu trong nước giảm 4,07% so với năm trước, tương đương 1 tỷ đồng. Nguyên nhân dẫn đến việc giảm này là do các đầu mối tập trung cho khách hàng nhận hàng trực tiếp tại các kho đầu mối, hạn chế qua kho trung chuyển, giá xăng dầu biến động dẫn đến đơn hàng vận chuyển nhỏ làm cho đội tàu lớn không tận dụng hết được

Tổng chi phí năm 2018 là 60,809 tỷ đồng, tăng 15,06% so với năm 2017. Trong đó, chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng cao nhất là 53,79%, tăng 25,82% so với năm trước. Giá vốn hàng bán của Công ty là 208 tỷ đồng, chiếm 32,89% trong cơ cấu chi phí, tăng 17,45% so với năm 2017. Ngoài ra, chi phí quản lý doanh nghiệp là 7,461 tỷ đồng, giảm 20,39%.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

- Trong năm 2018 đơn vị đã đưa vào khai thác tàu trọng tải 2.500 tấn, tổng mức đầu tư là 18 tỷ đồng.
- Thanh lý 1 tàu 1.000 tấn và 2 tàu 140 tấn, tổng giá trị thanh lý 5 tỷ đồng, do các tàu này khai thác không hiệu quả và gần đến hết niên hạn khai thác.



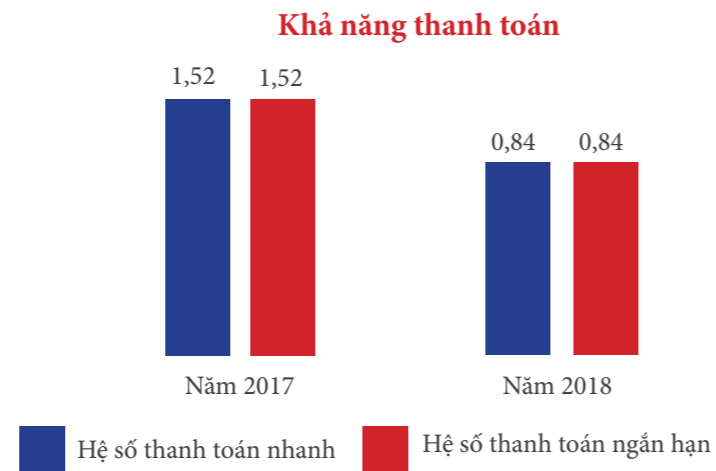
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	78.944	87.537	10,88%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	61.337	66.741	8,81%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	9.880	6.321	(36,02%)
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	1.814	3.302	82,03%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	11.694	9.622	(17,71%)
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.565	7.723	(19,26%)
EPS	Triệu đồng	1.860	1.767	(5%)

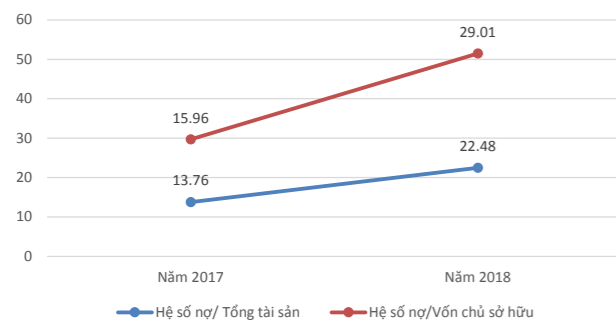
Các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,52	0,84
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,52	0,84
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	13,76	22,48
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	15,96	29,01
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	118,66	-
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,80	0,80
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	15,59	11,57
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	14,26	11,36
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	12,50	9,28
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16,11	9,47

Hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn của Công ty đều giảm trong năm 2018. Cả 2 hệ số này đều đạt 0,84 lần trong năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản ngắn hạn giảm trong khi nợ ngắn hạn của Công ty tăng. Cụ thể, các khoản tương đương tiền giảm hơn 5 tỷ đồng từ 8,899 tỷ còn 2,791 tỷ đồng. Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 ghi nhận là 0 đồng.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



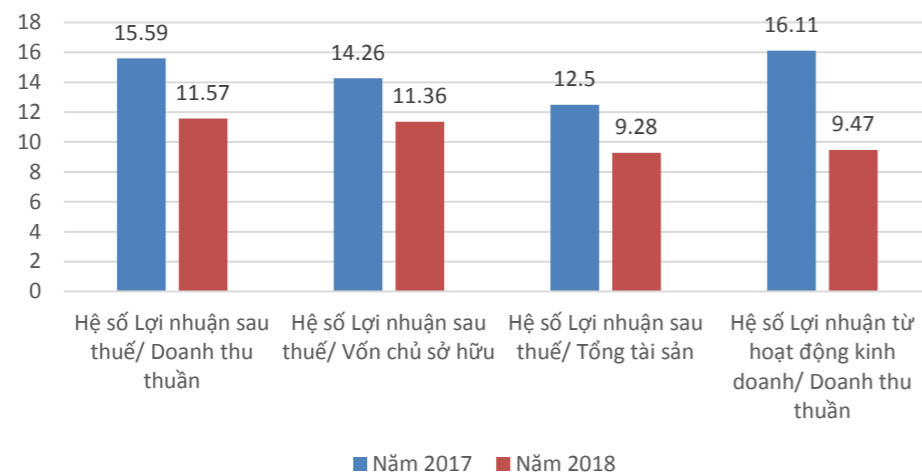
Công ty sử dụng phần lớn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn của mình, từ đó làm giảm khả năng rủi ro tài chính trong quá trình hoạt động. Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ và có xu hướng tăng trong năm 2018, từ 8,976 tỷ đồng lên 13,101 tỷ đồng. Điều này làm cho hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 13,76% lên 22,48% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu từ 15,96% tăng lên 29,01%.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm qua, tổng tài sản và doanh thu của Công ty đều tăng nhưng tốc độ tăng bằng nhau dẫn đến vòng quay tổng tài sản của Công ty năm 2018 là 0,80 vòng và không biến động so với năm 2017. Điều này cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty ổn định.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh của Công ty đều giảm trong năm qua. Cụ thể: Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần năm 2018 là 11,57%, thấp hơn mức 15,59% của năm 2017. Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu giảm từ 14,26% còn 11,36%. Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản từ 12,50% xuống 9,28%. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm từ 16,11% xuống 9,47%.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

- Vốn điều lệ: 43.705.100.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 4.370.510 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường: 4.370.510 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.370.510 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	482	4.370.510	100%
	- Tổ Chức	4	2.506.216	57,34%
	- Cá nhân	478	1.864.294	42,66%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng		482		100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN ĐIỀU HÀNH
- BAN KIỂM SOÁT
- TÌNH HÌNH NHÂN SỰ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Số cổ phiếu cá nhân	Tỷ lệ (%)
1	Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch HĐQT	1.337.374	606	30,61%
2	Ngô Thị Xuân Nữ	Thành viên HĐQT	445.791	4.350	10,30%
3	Huỳnh Văn Thành	Thành viên HĐQT	235.000	-	5,38%
4	Nguyễn Đức Vượng	Thành viên HĐQT	-	118.000	2,70%
5	Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên HĐQT	-	-	0,00%
6	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	445.791	12.231	10,48%
7	Mai An Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	-	-	0,00%

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Bà Dương Thị Mai Hưng – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	18/08/1977
Nơi sinh	Lấp Vò, Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	606 cổ phiếu
Tỷ lệ	Chiếm 0,014% vốn điều lệ
Bà Ngô thị Xuân Nữ - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	05/02/1966
Nơi sinh	Lai Vung
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nông nghiệp
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	4.350 cổ phiếu
Tỷ lệ	Chiếm 0,1% vốn điều lệ
Ông Huỳnh Văn Thành – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	01/05/1960
Nơi sinh	Tiền Giang
Trình độ chuyên môn	Thuyền trưởng hạng I
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Tỷ lệ	-

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tt)

Ông Nguyễn Đức Vượng – Thành viên HĐQT

Năm sinh	06/01/1953
Nơi sinh	Ninh Bình
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh xăng dầu
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	118.000 cổ phiếu
Tỷ lệ	Chiếm 2,7% vốn điều lệ

Ông Nguyễn Ngọc Thới – Thành viên HĐQT

Năm sinh	20/08/1959
Nơi sinh	An Giang
Trình độ chuyên môn	Kinh doanh xăng dầu
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Tỷ lệ	-

Ông Nguyễn Hoàng Quân – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh	24/10/1979
Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	12.231 cổ phiếu
Tỷ lệ	Chiếm 0,28% vốn điều lệ

Ông Mai An Mỹ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Năm sinh	07/07/1961
Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Tỷ lệ	-



BAN ĐIỀU HÀNH

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	445.791	12.231	10,48%
2	Mai An Mỹ	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	-	-	-
3	Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	-	3.646	0,08%

Lý lịch thành viên Ban điều hành

Ông Nguyễn Hoàng Quân – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (Xem lý lịch Hội đồng quản trị)

Ông Mai An Mỹ – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc (Xem lý lịch Hội đồng quản trị)

Bà Lê Thị Thanh – Kế toán trưởng

Năm sinh	02/09/1967
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.646 cổ phiếu
Tỷ lệ	Chiếm 0,08% vốn điều lệ



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu đại diện sở hữu	Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng Ban	-	-	-
2	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	-	4.170	0,10%

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Bà Đặng Ngọc Phú Nhơn – Trưởng BKS	
Năm sinh	07/10/1988
Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	0 cổ phiếu
Tỷ lệ	Chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Hồng Hải – Thành viên BKS	
Năm sinh	25/02/1963
Nơi sinh	Đồng Tháp
Trình độ chuyên môn	Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	4.170 cổ phiếu
Tỷ lệ	Chiếm 0,10% vốn điều lệ

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên ngày 31/12/2018

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
I	Giới tính		
1	Nam	96	95,05%
2	Nữ	5	4,95%
II	Trình độ		
1	Đại học	12	11,88%
2	Cao đẳng	4	3,96%
3	Trung cấp	83	82,18%
4	Trình độ khác	2	1,98%
III	Hợp đồng lao động		
1	Dài hạn	101	100%
2	Thời vụ	-	
Tổng cộng		100	100%

Chính sách lương, thưởng và trợ cấp

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	7.600.000	7.500.000	7.500.000

Công ty xây dựng chính sách tiền lương, thưởng theo quy định của Luật lao động. Tiền lương, tiền thưởng phân phối cho người lao động luôn tương xứng với chức danh và kết quả làm việc của người lao động trong từng bộ phận công tác. Đó là đòn bẩy kinh tế kích thích người lao động phấn đấu tăng năng suất lao động và có trách nhiệm với công việc. Đồng thời, Công ty luôn tạo môi trường làm việc thuận lợi và có cơ hội thăng tiến để cán bộ công nhân viên cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của Công ty.

Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Công ty đã xác định chiến lược phát triển kinh doanh gắn liền với sự phát triển nguồn nhân lực. Có chính sách tuyển dụng, đào tạo, tập huấn và lao động theo kế hoạch từng năm để ra để đáp ứng nhu cầu phát triển của đội tàu và các yêu cầu của Công ước quốc tế, tăng cường và bổ sung cán bộ có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cho các phòng ban của Công ty.

Chính sách phúc lợi

Công ty thực hiện các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Bộ Luật lao động và Nội quy lao động. DOP luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, tạo môi trường công tác thuận lợi cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện chế độ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người lao động và hạn chế mức thấp nhất các bệnh nghề nghiệp.



BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành vận tải, các nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là các vật tư, thiết bị phục vụ cho sửa chữa các phương tiện như xà lang, tàu, thuyền... Công ty cũng có kế hoạch xử lý, thu hồi phế liệu theo quy trình cấp phát vật tư trong trường hợp các thiết bị máy móc bị hỏng hóc, không sử dụng được, đảm bảo nâng cao công tác quản lý và sử dụng hiệu quả.

Đặc thù mặt hàng vận chuyển của Công ty là dầu, nhớt, khí hóa lỏng nên Công ty luôn chú trọng đến công tác quản lý nguồn nhiên liệu này, tránh gây rò rỉ khi đang vận chuyển, gây ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong Công ty.

Tiết kiệm năng lượng

Công ty đã đưa ra nhiều biện pháp tiết kiệm nhiên liệu, một mặt để cắt giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, mặt khác góp phần bảo vệ môi trường. Cụ thể: Công ty lựa chọn mua các phương tiện thiết bị hiện đại, tiêu hao ít nhiên liệu; xây dựng và thực hiện triệt để quy trình khai thác tiết kiệm nhiên liệu; thường xuyên đánh giá và tổ chức định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng loại phương tiện, thiết bị phù hợp với từng điều kiện hoạt động khai thác.

Tình hình tiêu thụ nước

Khối lượng nước Công ty mua một phần để cung cấp nước ngọt cho nhân viên trên tàu, nhân viên văn phòng, một phần sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để hạn chế tác động của nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty đến môi trường, Công ty đã đưa ra các biện pháp cũng như phương án để phòng ô nhiễm như sau: Sử dụng tiết kiệm, hợp lý nguồn nước, định kỳ kiểm tra các thông số ô nhiễm trong nước thải tại cuối cống thải để theo dõi và có biện pháp phòng chống, xử lý kịp thời.

Chính sách liên quan đến người lao động

Hiện nay, mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 7.500.000 đồng. Ngoài việc cung cấp đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... Công ty còn tổ chức tặng quà, hỗ trợ tiền mặt cho nhân viên vào các dịp Lễ, Tết...

Bên cạnh đó, thường thêm cho cá nhân có thành tích nổi trội, có sáng kiến trong quá trình tham gia hoạt động kinh doanh; Khuyến khích nhân viên đưa ra những ý tưởng mới, góp phần vào quá trình phát triển bền vững của Công ty

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm qua, Công ty luôn nhận thức tốt và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường bằng cách xử lý nước thải theo đúng quy trình trước khi thải ra môi trường.

Năm 2018 vừa qua, Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Nhiều năm qua, DOPETCO xác định các công việc liên quan đến trách nhiệm cộng đồng là hoạt động không thể thiếu trên con đường phát triển kinh doanh của mình. Cụ thể nhất là Công ty đã xác định mục tiêu của các hoạt động là hướng đến cộng đồng chung, và trong phạm vi gần nhất là địa phương nơi Công ty sản xuất kinh doanh.

Công ty luôn kêu gọi, khuyến khích nhân viên phối hợp thực hiện các hoạt động tình nguyện, giúp đỡ những cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, luôn tích cực trong cộng tác, san sẻ một phần lợi nhuận của mình để giúp đỡ những nạn nhân bão lụt miền Trung.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	So với kế hoạch
Tổng doanh thu	Triệu đồng	54.000	70.400	130%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.500	9.622	101%

Ngành vận tải xăng dầu đường biển trong năm 2018 vừa qua trong bước đầu tăng trưởng. Tuy nhiên, một phần từ tác động của điều kiện tự nhiên và hệ thống chuyên chở trong nước có khối lượng nhỏ và cự ly ngắn nên chưa đạt tối đa công suất chuyên chở của đội tàu Công ty. Tuy nhiên, do được khách hàng tín nhiệm và nhu cầu vận chuyển hàng lỏng đã giúp DOP hoàn thành tốt kế hoạch năm 2018. Trong đó, tổng doanh thu đạt 70,4 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 9,622 tỷ đồng vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra

Thuận lợi

- Được khách hàng chấp nhận về chất lượng dịch vụ, thái độ phục vụ.
- Khai thác được thêm nguồn hàng khác, khách hàng khác
- Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, đồng lòng chia sẻ khó khăn, gắn bó với Công ty cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Khó khăn

- Giá xăng dầu trên thị trường biến động khá lớn, mặt khác hàng không chính thức nhiều dẫn đến các đơn hàng vận chuyển ít hơn, khối lượng vận chuyển nhỏ hơn.
- Tiêu chuẩn ngành áp dụng cho lĩnh vực vận chuyển xăng dầu bằng đường thủy nội địa ngày càng khắc khe, đòi hỏi điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.
- Các chủ hàng thay đổi chiến lược trong hoạt động thương mại, hạn chế hàng qua kho trung gian, tập trung giao nhận hàng tại các kho đầu mối.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

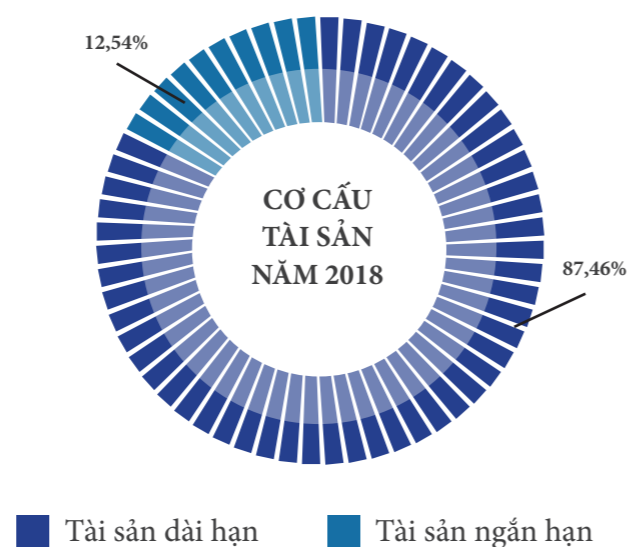


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

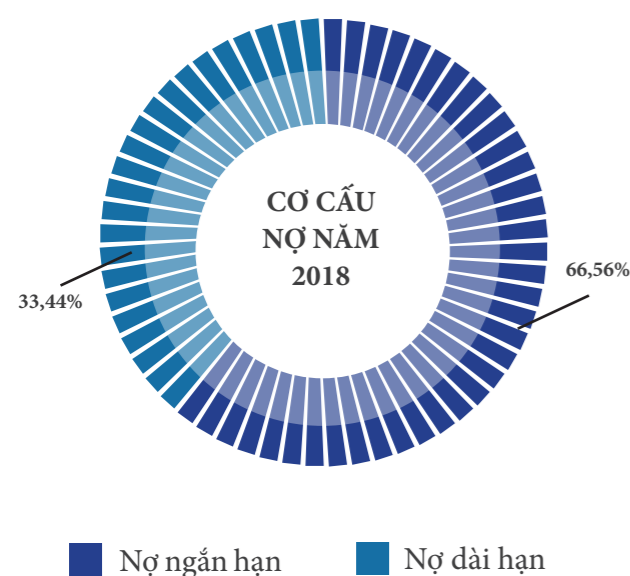
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	13.686	10.977	(19,79%)
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	65.258	76.560	17,32%
Tổng tài sản	Triệu đồng	78.944	87.537	10,88%

Trong cơ cấu tài sản của Công ty, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn với 87,46%. Năm qua, tài sản dài hạn tăng từ 65,258 tỷ lên 75,56 tỷ đồng, tăng 17,32% so với năm 2017. Nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng này là do tăng khoản mục tài sản cố định, Công ty đã đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và phương tiện vận tải trong năm nhằm hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, trong năm qua, tài sản ngắn hạn đã ghi nhận giảm 19,79%, từ 13,686 tỷ đồng xuống còn 10,977 tỷ đồng.



Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	8.976	13.101	45,96%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	1.889	6.581	248,39%
Tổng nợ phải trả	Triệu đồng	10.685	19.682	82,2%



Nợ phải trả của Công ty chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu vốn. Trong năm qua, nợ ngắn hạn của Công ty tăng 45,96% từ 8,976 tỷ đồng lên 13,101 tỷ đồng. Khoản mục này tăng chủ yếu là do phải trả người bán ngắn hạn tăng hơn 2 tỷ đồng và phải trả ngắn hạn khác tăng từ 136 triệu đồng lên 2,405 tỷ đồng. Bên cạnh đó, nợ dài hạn của Công ty cũng ghi nhận tăng từ 1,889 tỷ đồng lên 6,581 tỷ đồng đến từ khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn nhằm đầu tư đóng mới tàu dầu để phục vụ hoạt động kinh doanh.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU, QUẢN LÝ

- Hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống các quy chế, quy định nội bộ đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý. Đưa ra những giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề khó khăn một cách kịp thời, nhanh chóng.
- Đẩy mạnh và làm tốt công tác tiếp thị, xây dựng chính sách Marketing linh hoạt, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo uy tín với khách hàng. Tập trung quản lý, chú trọng công tác bảo quản bảo dưỡng các phương tiện thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ bằng cách tăng cường công tác chỉ huy, điều hành, bám sát từng ca, từng mảng, tiến độ của từng tàu để bố trí phương tiện thiết bị phù hợp, nâng cao chất lượng giao nhận. Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, nâng cao tinh thần, ý thức trách nhiệm của cán bộ công nhân viên.





KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018		KH 2019	KH 2019/ TH 2018
			KH	TH		
1	Dịch vụ vận chuyển xăng dầu trong nước	Triệu đồng	24.000	23.600	24.000	102%
2	Dịch vụ vận chuyển xăng dầu tái xuất	Triệu đồng	28.000	43.200	42.000	97%
3	Doanh thu khác	Triệu đồng	2.000	3.600	1.000	28%
Tổng cộng		Triệu đồng	54.000	70.400	67.000	95%

Các biện pháp thực hiện

Đối với hoạt động kinh doanh:

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức của đội ngũ thuyền viên hạn chế tối đa tai nạn giao thông, bảo quản máy móc và chi phí sửa chữa nhằm tiết kiệm chi phí.
- Chủ động phối hợp với phía chủ hàng có kế hoạch vận chuyển hợp lý nhằm tăng cường quãng đường có hàng cho phương tiện.
- Đối vận chuyển tái xuất: củng cố mối quan hệ với đối tác truyền thống.
- Xúc tiến nguồn hàng vận chuyển mới, cả trong vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất.

Đối với vận chuyển hàng tái xuất:

- Xúc tiến tìm kiếm thêm nguồn hàng vận chuyển mới, cả trong vận chuyển nội địa và vận chuyển hàng tái xuất.

Đối với hoạt động thanh lý tàu cũ, đầu tư:

- Tiếp tục xin ý kiến chào bán các tàu khai thác không hiệu quả, các tàu chuẩn bị hết niên hạn khai thác, đầu tư thay thế và mở rộng khi có điều kiện và cơ hội.

Công tác an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ:

- Tiếp tục phát động, triển khai các phong trào thi đua cho các tàu thông qua các tổ chức đoàn, hội, để lồng ghép vào công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.



BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty đã thực hiện những chính sách nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất thải trong quá trình vận hành đội tàu. Trong quá trình hoạt động, luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường, hạn chế gây ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân vùng lân cận. Tổ chức, huấn luyện cán bộ công nhân viên xử lý kịp thời các tình huống nguy hiểm xảy ra, tránh gây rò rỉ dầu, xăng, nhớt trong quá trình vận chuyển, làm ô nhiễm nguồn nước cũng như bảo vệ sức khỏe của người lao động. Bên cạnh đó, Cán bộ nhân viên trong công ty luôn được trả lương đúng hạn, không xảy ra tình trạng thiếu hay nợ lương. Ngoài thực hiện những chính sách của Luật lao động, Công ty còn tổ chức các hoạt động tập thể, nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các nhân viên trong Công ty. Khen thưởng những cá nhân, tập thể có ý tưởng, sáng kiến trong quá trình hoạt động, nâng cao hiệu suất làm việc, đặc biệt khuyến khích người lao động gắn bó với sự phát triển bền vững của Công ty.

Ngoài các hoạt động kinh doanh, DOP đã tham gia tích cực các hoạt động mà địa phương đề ra. Góp một phần lợi nhuận của mình vào công cuộc nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, luôn đi đầu trong các hoạt động như: đóng góp giúp đỡ bà con lũ lụt miền Trung, xây dựng nhà tình thương cho người già neo đơn, bà mẹ Việt Nam anh hùng, các công trình công ích nhằm phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt của người dân địa phương...





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC
- KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với các khó khăn mà Công ty phải đối mặt trong năm 2018, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt trong ngành vận tải xăng dầu đường biển, giá xăng dầu trên thị trường biến động và thiên tai, lũ lụt đã phần nào ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của ban lãnh đạo và người lao động Công ty, DOP đã hoàn thành việc thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch và mang lại ích cho cổ đông. Kết quả cho thấy lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 7,723 tỷ đồng. Công tác tài chính, kế toán và nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước cũng được Công ty thực hiện tốt; Chất lượng hàng hóa vận chuyển được đảm bảo; Tiền lương, thưởng cho người lao động được duy trì ổn định; Các yêu cầu tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn lao động được thực hiện đầy đủ.

Nhận định tình hình năm 2019

Thuận lợi:

- Đã được các khách hàng tín nhiệm chất lượng phục vụ, thái độ phục vụ.
- Phát sinh nhu cầu vận chuyển hàng lỏng khác.

Khó khăn:

- Nhu cầu vận chuyển trong hệ thống kho Petimex không tăng.
- Mức độ cạnh tranh giữa các công ty vận tải thủy với nhau diễn ra gay gắt.
- Ảnh hưởng của yếu tố giá xăng dầu thế giới, nên nhu cầu vận chuyển không đều, và khối lượng vận chuyển cho từng chuyến hàng không lớn.
- Cổ tức năm 2018 các đơn vị mà Công ty Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp đầu tư gặp nhiều khó khăn.



VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động quản lý của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc luôn tăng cường công tác quản lý và thường xuyên báo cáo cho Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, trong năm qua, Ban Giám đốc đã cố gắng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Luôn xây dựng các giải pháp nhằm tăng cường quản lý, bảo toàn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đem lại lợi nhuận cho Công ty.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, tốt về chất lượng nên sẽ có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại phù hợp với thực tiễn sản xuất và Báo cáo thường niên 2015 Trang 40 yêu cầu của Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Đồng thời, Công ty sẽ tập trung nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.
- Công ty sẽ tăng cường công tác bảo quản bảo dưỡng để giảm thiểu các hư hỏng đột xuất đối với các tàu, đặc biệt là các tàu lớn, hoạt động trên tuyến xa và cho thuê định hạn. Tiến hành rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư đối với tất cả các tàu, kiểm soát chặt chẽ tốc độ chạy tàu nhằm tránh thất thoát về nhiên liệu.
- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH

- Đẩy mạnh mọi hoạt động của Hội đồng quản trị. Tăng cường đánh giá, kiểm tra, giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty. Củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy điều hành.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng hệ thống quy chế quản lý phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật.
- Xây dựng phát triển nguồn nhân lực, thông qua cơ chế tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn sâu, tập trung đào tạo nội bộ.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị và tổ chức tốt các dự án về dịch vụ logistics.





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27 tháng 10 năm 2004 và đã thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : 0277 3 877 012
- Fax : 0277 3 877 029

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch	Ngày 21 tháng 04 năm 2016
Bà Ngô Thị Xuân Nữ	Phó Chủ tịch	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Mai An Mỹ	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Ngọc Phú Nhơn	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 12 năm 2018	
Bà Lê Thị Thúy	Trưởng ban	Ngày 21 tháng 04 năm 2016	Ngày 28 tháng 12 năm 2018
Bà Phan Hoàn Ngọc Minh	Thành viên	Ngày 26 tháng 04 năm 2018	
Bà Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	Ngày 26 tháng 04 năm 2018

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Mai An Mỹ	Phó giám đốc	Ngày 25 tháng 04 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	25 tháng 01 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 32



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



DƯƠNG THỊ MAI HƯƠNG

Chủ tịch

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam

AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế

Member firm of PKF International



Accountants & business advisers

Số: 051/2019/BCKT-CT.00025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại mục 5.10 của thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong với số tiền là 7.046.000.000 VND. Tại ngày lập báo cáo này, Chúng tôi chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong cho nên chúng tôi không thể ước tính được giá trị lỗ của các khoản đầu tư trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ
TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2019

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.976.924.862	13.686.001.012
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.791.186.740	8.898.501.282
Tiền	111		2.791.186.740	4.898.501.282
Các khoản tương đương tiền	112		-	4.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.406.766.454	3.668.093.304
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.126.742.579	2.693.809.256
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	219.962.500	20.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.369.901.575	1.264.124.248
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(309.840.200)	(309.840.200)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		-	62.312.364
Hàng tồn kho	141	5.6	-	62.312.364
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.778.971.668	1.057.094.062
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	-	7.629.167
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.778.971.668	1.049.464.895
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76.559.586.360	65.257.917.781
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		62.785.273.365	51.878.788.076
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	62.419.273.365	51.512.788.076
Nguyên giá	222		102.631.029.560	88.399.224.649
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.211.756.195)	(36.886.436.573)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	366.000.000	366.000.000
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	9.552.975.886	9.552.975.886
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		4.221.337.109	3.826.153.819
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	4.221.337.109	3.826.153.819
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		87.536.511.222	78.943.918.793

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		19.682.450.043	10.865.263.196
Nợ ngắn hạn	310		13.101.122.043	8.976.163.196
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	3.161.514.126	863.819.003
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	31.143.610	733.052.498
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.899.675.869	2.129.770.568
Phải trả người lao động	314		1.593.089.527	1.488.174.695
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	855.123.024	323.530.024
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.404.708.704	136.436.865
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	2.939.976.000	2.646.591.920
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	215.891.183	654.787.623
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		6.581.328.000	1.889.100.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	6.581.328.000	1.889.100.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	67.854.061.179	68.078.655.597
Vốn chủ sở hữu	410	67.854.061.179	68.078.655.597
Vốn góp của chủ sở hữu	411	43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	13.230.417.127	12.273.928.532
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.178.603.662	11.359.686.675
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	-	1.794.800.723
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	10.178.603.662	9.564.885.952
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
Nguồn kinh phí	431	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	87.536.511.222	78.943.918.793

Clal

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	66.740.895.084	61.337.162.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.740.895.084	61.337.162.620
Giá vốn hàng bán	11	6.2	19.999.513.797	17.028.045.081
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.741.381.287	44.309.117.539
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	388.274.718	1.395.379.120
Chi phí tài chính	22	6.4	639.986.489	457.277.141
Trong đó: chi phí lãi vay	23		515.206.637	410.841.814
Chi phí bán hàng	25	6.5	32.708.115.434	25.995.319.829
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.460.885.462	9.371.603.650
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.320.668.620	9.880.296.039
Thu nhập khác	31	6.7	3.301.859.724	1.814.360.481
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		3.301.859.724	1.814.360.481
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.622.528.344	11.694.656.520
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	1.899.675.869	2.129.770.568
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.722.852.475	9.564.885.952
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.767	1.860

Clal

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.622.528.344	11.694.656.520
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		6.342.144.702	5.641.765.442
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(59.779.565)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.634.606.038)	(3.165.681.249)
Chi phí lãi vay	06		515.206.637	410.841.814
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.785.494.080	14.581.582.527
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.666.788.244)	(68.632.129)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		62.312.364	162.251.079
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.894.565.906	672.579.398
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(387.554.123)	(983.987.698)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(515.206.637)	(410.841.814)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.129.770.568)	(2.145.718.418)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.661.629.333)	(1.182.888.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.381.423.445	10.624.343.995
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.831.987.439)	(14.263.015.921)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.090.909.091	2.372.529.929
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		325.662.716	1.381.631.348
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.415.415.632)	(10.508.854.644)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		8.000.000.000	4.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.014.387.920)	(2.093.620.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.118.714.000)	(6.118.714.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.133.101.920)	(4.212.334.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.167.094.107)	(4.096.844.649)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.898.501.282	12.995.345.931
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		59.779.565	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.791.186.740	8.898.501.282

Clal

LÊ THỊ THANH

Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám Đốc

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tổng số nhân viên của Công ty là 98 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 100 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 14 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Công ty mẹ Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	567.756.052	424.602.147
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.223.430.688	
- VND	1.642.564.691	4.059.004.624
- USD	(*) 580.865.997	414.894.511
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
	2.791.186.740	8.898.501.282

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Gốc ngoại tệ	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	25.102,81	580.865.997

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	2.318.411.126	2.200.539.457
Phải thu các khách hàng khác		
Công Ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	122.688.614	37.508.913
Kho BVM Kampuchia	274.308.406	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	133.363.000
Ông Nguyễn Công Minh	88.223.200	98.223.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Phải thu các khách hàng khác	189.748.233		224.174.686	
5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.126.742.579		2.693.809.256	
	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Trả trước cho người bán khác				
Đặng Hồng Đức	20.000.000		20.000.000	
Công ty TNHH May Thêu Giấy An Phú	59.962.500		-	
Cơ Sở Trọng Nghĩa	140.000.000		-	
	219.962.500		20.000.000	
5.4 Phải thu ngắn hạn				
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	2.331.912.830	(19.191.743)	1.240.854.138	-
Phải thu tiền bồi thường	37.988.745	-	23.270.110	-
	2.369.901.575	-	1.264.124.248	-
5.5 Nợ xấu				
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có	Giá gốc	Giá trị có
	VND	thẻ thu hồi	VND	thẻ thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nợ quá hạn của các cá nhân khác				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Ông Huỳnh Thanh Phương	23.860.000	-	23.860.000	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	-	133.363.000	-
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	-	98.223.200	-
Ông Nguyễn Văn Lon	54.394.000	-	54.394.000	-
	309.840.200	-	309.840.200	-
Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:				
	Nợ phải thu, cho	Nợ phải thu,	Cộng	
	vay ngắn hạn	cho vay dài hạn		
	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2018	(309.840.200)	-	(309.840.200)	
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2018	(309.840.200)	-	(309.840.200)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.6 Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	62.312.364	-
	-	-	62.312.364	-
5.7 Chi phí trước ngắn hạn, dài hạn				
5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		31/12/2018	01/01/2018	
		VND	VND	
Chi phí sửa chữa		-	7.629.167	
		-	7.629.167	
5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2018	01/01/2018	
		VND	VND	
Chi phí sửa chữa tàu		3.771.855.291	3.243.990.183	
Phí bảo hiểm		449.481.818	582.163.636	
		4.221.337.109	3.826.153.819	
5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình				
	Nhà cửa, vật	Phương tiện	Cộng	
	kiến trúc	vận tải	VND	
	VND	VND	VND	
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018	2.215.883.025	86.183.341.624	88.399.224.649	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	18.030.595.760	18.030.595.760	
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.798.790.849)	(3.798.790.849)	
Tại ngày 31/12/2018	2.215.883.025	100.415.146.535	102.631.029.560	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2018	960.969.275	35.925.467.298	36.886.436.573	
Khấu hao trong năm	158.277.360	6.183.867.342	6.342.144.702	
Giảm do thanh lý	-	(3.016.825.080)	(3.016.825.080)	
Tại ngày 31/12/2018	1.119.246.635	39.092.509.560	40.211.756.195	
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	1.254.913.750	50.257.874.326	51.512.788.076	
Tại ngày 31/12/2018	1.096.636.390	61.322.636.975	62.419.273.365	
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-	
Tại ngày 31/12/2018	106.071.883	-	106.071.883	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình theo sổ sách là 10.668.382.350 VND đã được thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Ngân hàng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất tại Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, đây là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị quyền sử dụng đất được cầm cố bảo đảm các khoản vay tại ngân hàng.

5.10 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	(*)	-	2.626.576.460	(*)	-
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	300.000.000	(*)	-	300.000.000	(*)	-
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	5.833.400.000	(*)	-	5.833.400.000	(*)	-
	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tại ngày 01/01/2018	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tại ngày 31/12/2018	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	826.034.155	773.838.000
Doanh Nghiệp Tư Nhân Tư Lai	1.198.608.321	-
Công Ty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	714.973.250	-
Các nhà cung cấp khác	421.898.400	89.981.003
	3.161.514.126	863.819.003

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Xăng Dầu	-	500.380.013
Kho BVM Kampuchia	-	194.652.425
Tàu Sông Tiền 12	23.579.000	6.979.200
Các công nợ khác	7.564.610	31.040.860
	31.143.610	733.052.498

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phát sinh trong năm			31/12/2018 Phải nộp VND
	01/01/2018 Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.129.770.568	1.899.675.869	(2.129.770.568)	1.899.675.869
Thuế thu nhập cá nhân	-	152.860.548	(152.860.548)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	2.129.770.568	2.055.536.417	2.285.631.116	1.899.675.869

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp "TNDN" phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.622.528.344	11.692.256.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(124.149.000)	(1.045.803.680)
- Các khoản điều chỉnh tăng	132.000.000	132.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(256.149.000)	(1.177.803.680)
Thu nhập tính thuế	9.498.379.344	10.646.452.840
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.899.675.869	2.129.290.568
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng là 20%		

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	855.123.024	323.530.024
	855.123.024	323.530.024

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả đơn vị và các cá nhân khác		
Cổ tức phải trả	2.256.897.200	27.941.200
Tiền thu hộ bảo hiểm hàng hóa phải trả	147.799.152	108.483.313
Phải trả khác	12.352	12.352
	2.404.708.704	136.436.865

5.16 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.16.2)	2.939.976.000	2.939.976.000	2.646.591.920	2.646.591.920
	2.939.976.000	2.939.976.000	2.646.591.920	2.646.591.920

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2018	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	2.646.591.920	2.939.976.000	(2.646.591.920)	2.939.976.000
	2.646.591.920	2.939.976.000	(2.646.591.920)	2.939.976.000

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	9.521.304.000	9.521.304.000	4.535.691.920	4.535.691.920
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.939.976.000)	(2.939.976.000)		
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	(2.939.976.000)	(2.939.976.000)	(2.646.591.920)	(2.646.591.920)
	6.581.328.000	6.581.328.000	1.889.100.000	1.889.100.000

(*) Đây là khoản vay tại ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 4400.17.710.2553842.TD được ký kết ngày 08 tháng 05 năm 2017 và hợp đồng tính dụng 24637.18.710.2553842.TD được ký ngày 12 tháng 7 năm 2018.

Mục đích : Đầu tư đóng mới tàu dầu 2.350 tấn
Thời hạn vay : 36 tháng
Lãi suất vay : Kỳ tính lãi đầu tiên là 9,7%/năm sau đó có điều chỉnh lãi suất
Hình thức đảm bảo : Thế chấp các tài sản sau:
- Tàu SAVIMEX 09: giá trị còn lại tại 31/12/2018 là 10.668.382.350 VNĐ
- Thửa đất số 268, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.
- Thửa đất số 291, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng Công ty.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND

Tại ngày 31/12/2018

Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	9.521.304.000	2.939.976.000	6.581.328.000
	9.521.304.000	2.939.976.000	6.581.328.000

Tại ngày 01/01/2018

Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	4.535.691.920	2.646.591.920	1.889.100.000
	4.535.691.920	2.646.591.920	1.889.100.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2018	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	1.889.100.000	8.000.000.000	(367.796.000)	(2.939.976.000)	6.581.328.000
	1.889.100.000	8.000.000.000	(367.796.000)	(2.939.976.000)	6.581.328.000

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2018	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	93.435.940	669.542.017	(700.349.333)	62.628.624
Quỹ phúc lợi xã hội	561.351.683	765.190.876	(1.173.280.000)	153.262.559
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	394.000.000	(394.000.000)	-
	654.787.623	1.828.732.893	(2.267.629.333)	215.891.183

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước						
Tại ngày 01/01/2018	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	11.392.963.285	10.245.638.267	66.083.641.942
Lãi trong năm	-	-	-	-	9.564.885.952	9.564.885.952
Trích lập các quỹ	-	-	-	880.965.247	(880.965.247)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.057.158.297)	(1.057.158.297)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.118.714.000)	(6.118.714.000)
Tại ngày 31/12/2018	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	12.273.928.532	11.359.686.675	68.078.655.597
Năm nay						
Tại ngày 01/01/2018	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	12.273.928.532	11.359.686.675	68.078.655.597
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.722.852.475	7.722.852.475
Trích lập các quỹ	-	-	-	956.488.595	(956.488.595)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.434.732.893)	(1.434.732.893)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.118.714.000)	(6.118.714.000)
Tại ngày 31/12/2018	43.705.100.000	4.412.000	735.528.390	13.230.417.127	10.178.603.662	67.854.061.179

Chi tiết vốn góp của cổ đông sáng lập

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	22.289.560.000	51,00	22.289.560.000	51,00
Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Thành Lực	2.350.000.000	5,38	2.350.000.000	5,38
Các cổ đông khác	19.065.540.000	43,62	19.065.540.000	43,62
	43.705.100.000	100,00	43.705.100.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.370.510	4.370.510
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 26 tháng 04 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	6.118.714.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	956.488.595
• Trích khen thưởng phúc lợi	1.434.732.893
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	394.000.000

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.19.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	Nguyên nhân xóa
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600	Do Công ty nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi
	178.056.600	178.056.600	

5.19.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
Dollar Mỹ (USD)	25.102,81	18.269,82

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	66.740.895.084	61.337.162.620
	66.740.895.084	61.337.162.620

6.2 Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.999.513.797	17.028.045.081
	19.999.513.797	17.028.045.081

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi	69.513.716	206.090.048
Cổ tức và lợi nhuận được chia	256.149.000	1.175.541.300
Lãi chênh lệch tỷ giá	62.612.002	13.747.772
	388.274.718	1.395.379.120

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	515.206.637	410.841.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá	124.779.852	46.435.327
	639.986.489	457.277.141

6.5 Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	9.675.917.007	9.087.972.949
Chi phí vật liệu, bao bì	1.421.250.849	191.892.130
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	136.864.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.188.834.430	2.895.032.804
Chi phí sửa chữa tàu	4.911.815.362	-
Các chi phí bán hàng khác	10.510.297.786	13.683.557.506
	32.708.115.434	25.995.319.829

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.220.350.703	2.889.340.698
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.462.727	95.226.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	153.310.272	2.746.732.638
Thuế, phí và lệ phí	1.075.058.626	809.695.881
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.956.703.134	2.830.607.888
	7.460.885.462	9.371.603.650

6.7 Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Lãi thanh lý tài sản	3.295.376.724	1.784.049.901
Trong đó:	-	-
- Thu thanh lý tài sản cố định	5.090.909.091	2.709.090.909
- Giá trị còn lại của tài sản cố định	(781.965.769)	(588.480.028)
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định đã thanh lý	(1.013.566.598)	(336.560.980)
Bán phế liệu	6.483.000	26.400.000
Các khoản thu nhập khác	-	3.910.580
	3.301.859.724	1.814.360.481

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.722.852.475	9.564.885.952
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.434.732.893)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.722.852.475	8.130.153.059
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.370.510	4.370.510
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.767	1.860

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.487.006.859	17.452.028.196
Chi phí nhân công	11.896.267.710	11.977.313.647
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.342.144.702	5.641.765.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.868.518.496	4.814.723.253
Chi phí khác	11.585.356.412	12.509.138.022
	60.179.294.179	52.394.968.560

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	2.939.976.000	6.581.328.000	9.521.304.000
Phải trả người bán	3.161.514.126	-	3.161.514.126
Chi phí phải trả	855.123.024	-	855.123.024
	6.956.613.150	6.581.328.000	13.537.941.150
Ngày 01 tháng 01 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	2.646.591.920	1.889.100.000	4.535.691.920
Phải trả người bán	863.819.003	-	863.819.003
Chi phí phải trả	323.530.024	-	323.530.024
	3.833.940.947	1.889.100.000	5.723.040.947

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp đất đai và phương tiện vận tải của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018.

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	498.491.253	183.429.599	498.491.253	183.429.599
Phải thu các bên liên quan	2.318.411.126	2.200.539.457	2.318.411.126	2.200.539.457

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 01 tháng 01 năm 2018
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu khác	37.988.745	23.270.110	37.988.745	23.270.110
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn khác	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.791.186.740	8.898.501.282	2.791.186.740	8.898.501.282
	14.700.562.497	20.675.286.735	14.700.562.497	20.675.286.735
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	9.521.304.000	4.535.691.920	9.521.304.000	4.535.691.920
Phải trả người bán	3.161.514.126	863.819.003	3.161.514.126	863.819.003
Chi phí phải trả	855.123.024	323.530.024	855.123.024	323.530.024
	13.537.941.150	5.723.040.947	13.537.941.150	5.723.040.947

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty mẹ, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ

Giao dịch với công ty mẹ

	2018 VND	2017 VND
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	28.544.321.922	31.750.107.889
Trả cổ tức	3.120.538.400	3.120.538.400
Bồi thường hàng thiếu	738.962.010	1.216.312.200
Mua dầu nhớt	805.583.455	603.145.454

Số dư của Công ty mẹ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.318.411.126	2.200.539.457

8.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2018 VND	2017 VND
Chia cổ tức cho thành viên chủ chốt	149.304.000	149.304.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không có các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2018 VND	2017 VND
Tiền lương, thưởng	1.544.400.000	1.032.400.000
Tiền thù lao	216.000.000	198.000.000
	1.760.400.000	1.230.400.000

8.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh dịch vụ vận tải và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2018.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2017 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2017 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.189	(329)	1.860

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

clal

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoc Bich

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ
TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Mỹ Ngọc

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2019-009-1





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Hoàng Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 215 - 217 Trương Hán Siêu, Phường Phú Mỹ, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (0277) 3877 012 - Fax: (0277) 3877 029

Website: www.dopetco.com.vn

Email: info@dopetco.com